

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - T KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trục

bà Thái Thị Mỹ

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - T Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Hồng H - sinh năm 1977.

Trú tại: thôn Mỹ Lộc - xã DL - huyện DK - Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* ông Ngô Ngọc T - sinh năm 1978.

Trú tại: thôn Mỹ Lộc - xã DL - huyện DK - Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng C

Địa chỉ: 169 Linh Đường - phường H - quận Mai - Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Ngân Hng chính sách xã hội Việt Nam: ông Lê Văn T - sinh năm 1980 - Phó giám đốc Ngân hàng C Phòng giao dịch DK làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2018)

Địa chỉ: 47 Lý Tự Trọng - thị trấn DK - DK - Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Công ty N.

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà REE Tower 09 Đoàn Văn Bơ - phường 12 - quận 4 - tp. Hồ Chí Minh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2018 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H trình bày: bà và ông Ngô Ngọc T tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DL năm 2007. Quá trình sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc, uống rượu say xỉn đánh đập bà. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T nên bà xin được ly hôn với ông T. Con chung: vợ chồng ông bà có 01 con chung là Ngô Ngọc Nam P (sinh ngày 01/01/2009). Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: không có. Nợ chung: Nợ Ngân hàng C 12.000.000đ và Công ty N 48.090.380đ.

Bị đơn ông Ngô Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày: ngày 19/01/2017, bà Lê Thị Hồng H và ông Ngô Ngọc T có vay vốn Chương trình nước sạch, vệ sinh, môi trường của Ngân hàng C số tiền 12.000.000đ, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng là 19/01/2022. Tính đến ngày 19/6/2018, bà H, ông T còn nợ của Ngân hàng C 12.091.727đ (Trong đó, nợ gốc: 12.000.000đ, nợ lãi 91.727đ). Ngân hàng C yêu cầu bà H, ông T phải thanh toán toàn bộ số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty N đã được triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T; được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: không có; nợ chung: nợ Ngân hàng C và Công ty N, bà sẽ có trách nhiệm trả nợ. Bị đơn ông T vắng mặt lần thứ 2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng yêu cầu bà H, ông T thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 17/10/2018 là 12.082.850đ và các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết nợ. Công ty N vắng mặt lần thứ 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T, Công ty N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên. Ngân hàng C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng C.

[2] Quan hệ hôn nhân: bà H, ông T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã DL nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, bà H cho rằng ông T chưa làm tròn bổn phận người chồng người cha, sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc, uống rượu say đánh vợ làm cho gia đình không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông T, hơn 05 năm nay bà và ông T không còn sống chung với nhau. Ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông với bà H. Do đó có thể xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Con chung: bà H, ông T có 01 con chung là Ngô Ngọc Nam P (sinh ngày 01/01/2009). Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời, hiện nay, hai mẹ con cũng đang sống cùng nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về con chung.

[4] Tài sản chung: không có.

[5] Nợ chung: bà H xác định vợ chồng bà có nợ của Ngân hàng C số tiền gốc là 12.000.000đ, Ngân hàng C cũng xác nhận việc này. Nay vợ chồng bà H, ông T ly hôn, Ngân hàng C yêu cầu ông bà phải trả ngay khoản nợ trên. Khi ký hợp đồng vay vốn các bên cũng đã có thỏa thuận nếu xảy ra sự kiện pháp lý nào giải phóng người vay khỏi nghĩa vụ cam kết trong sổ vay thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu thanh toán nợ trước hạn để đảm bảo quyền lợi cho Ngân Hng chính sách xã hội Việt Nam (*điểm c tiểu mục 2.1 mục 2 Sổ vay vốn*). bà H đề nghị một mình bà sẽ trả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng C nhưng Ngân hàng yêu cầu cả vợ chồng bà H đều phải có trách nhiệm trả nợ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C, bà H và ông T cùng nhau liên đới trả nợ cho Ngân hàng C số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/10/2018 là 12.082.850đ (Trong đó nợ gốc 12.000.000đ, nợ lãi 82.850đ) và các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết nợ, cụ thể: mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên và các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết nợ.

[6] Công ty N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Bà H đề nghị sẽ trả nợ khi Công ty N có yêu cầu, bà không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Do đó, đối với khoản nợ chung này, Tòa án sẽ tách ra để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi Công ty N có yêu cầu.

[7] Về án phí: bà H nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H, ông T nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 60 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H được ly hôn với ông Ngô Ngọc T.

Con chung: Giao con chung Ngô Ngọc Nam P (sinh ngày 01/01/2009) cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H, ông T đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi Công ty N có yêu cầu.

Bà Lê Thị Hồng H và ông Ngô Ngọc T cùng liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/10/2018 là 12.082.850đ (*Mười hai triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi đồng*) - Trong đó, nợ gốc 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), nợ lãi 82.850đ (*Tám mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi đồng*) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 7078302937 ngày 19/01/2017, cụ thể:

Bà H trả cho Ngân hàng C số tiền tạm tính đến ngày 17/10/2018 là 6.041.425đ (*Sáu triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*) - Trong đó, nợ gốc 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), nợ lãi 41.425đ (*Bốn mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*) và $\frac{1}{2}$ các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 7078302937 ngày 19/01/2017.

Ông T trả cho Ngân hàng C số tiền tạm tính đến ngày 17/10/2018 là 6.041.425đ (*Sáu triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*) - Trong đó, nợ gốc 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), nợ lãi 41.425đ (*Bốn mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*) và $\frac{1}{2}$ các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết nợ theo sổ vay vốn số 7078302937 ngày 19/01/2018.

2. Về án phí: bà Lê Thị Hồng H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 302.000đ (*Ba trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018762 ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa; bà H còn phải tiếp tục nộp 302.000đ (*Ba trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngô Ngọc T nộp 302.000đ (*Ba trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi Hình án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- UBND xã DL (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương